

Số 2212.01/2015/BCTC-NVT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 – Viwaseen.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 – Viwaseen.1 được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận đối với các khoản công nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là : 13.153.414.696 đồng ; các khoản công nợ trả trước cho người bán tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là : 2.174.158.433 đồng; các khoản phải thu khác tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là : 795.556.671 đồng; các khoản tạm ứng cho nhân viên tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là : 2.295.956.321 đồng . Với các tài liệu hiện có bằng các thủ tục kiểm tra thay thế, chúng tôi vẫn không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị và tính hiện hữu của các khoản mục phải thu này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa phân tích tuổi nợ các khoản phải thu và trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/20099/TT-BTC, số ước tính cần trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ tồn đọng là: 13.808.963.793 đồng. Nếu trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ ảnh hưởng tăng chi phí quản lý số tiền tương ứng và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ giảm số tiền tương ứng.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận đối với các khoản công nợ phải trả người bán tồn đọng và công nợ phải trả người bán đang theo dõi là tên các cá nhân là nhân viên của Công ty tại thời điểm 01/01/2015 là: 35.737.916.827 đồng, thời điểm 31/12/2015 là: 35.561.470.041 đồng; các khoản người phải trả khác tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là: 1.988.206.698 đồng. Đồng thời Công ty chưa thu thập được đầy đủ cơ sở trích trước các khoản chi phí phải trả tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là: 2.981.823.631 đồng. Với các tài liệu hiện có bằng các thủ tục kiểm tra thay thế, chúng tôi vẫn không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị và tính hiện hữu của các khoản mục phải trả này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2015, chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, cũng như không thể áp dụng các phương pháp kiểm toán thay thế để xác định số lượng, tình trạng của hàng tồn kho mà công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước – Viwaseen.1 đang phản ánh trên báo cáo tài chính, cụ thể: giá trị nguyên vật liệu tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là: 3.314.917.671 đồng, giá trị công cụ dụng cụ tại thời điểm 01/01/2015, 31/12/2015 là: 66.275.107 đồng, giá trị các công trình tồn đọng trong năm không phát sinh chi phí đang theo dõi trên chỉ tiêu hàng tồn kho là 29.222.933.206 (Chi tiết tại phụ lục 02).

Trong năm 2015, Công ty theo dõi trên khoản mục tài sản cố định giá trị của các tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu mà chưa điều chỉnh giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, số tiền: 440.594.718 đồng.

Công ty chưa thực hiện ghi nhận lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội số tiền 137.423.066 đồng và chưa thực hiện ước tính và ghi nhận chi phí lãi vay tại thời điểm cuối năm tài chính, số tiền: 31.054.476 đồng.

Đối với các công trình đang thi công có ghi nhận doanh thu trong năm theo biên bản nghiệm thu từng giai đoạn, đơn vị chưa cung cấp được cơ sở xác định giá vốn đã kết chuyển tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 – Viwaseen.1 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến vấn đề sau: tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2015 của các đơn vị do Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 – Viwaseen. I góp vốn đầu tư (chi tiết tại thuyết minh số 11. Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác) làm cơ sở đánh giá về khả năng phải trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn này tại thời điểm 31/12/2015. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lưu Thị Thúy Anh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0158-2014-124-1

Đào Duy Hưng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2017-2014-124-1



Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.096.546.358	168.742.883.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.976.449.711	2.452.856.309
1. Tiền	111	03	476.449.711	152.856.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	2.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.500.000.000	3.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	04	3.500.000.000	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.942.308.208	77.491.889.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	05	17.981.804.648	50.460.872.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	06	5.977.089.724	11.270.695.941
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	07	16.065.575.100	15.842.482.474
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(82.161.264)	(82.161.264)
IV. Hàng tồn kho	140		84.655.741.908	84.104.275.308
1. Hàng tồn kho	141	09	84.655.741.908	84.104.275.308
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.046.531	1.193.862.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.116.084.269
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		22.046.531	77.777.943
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.810.032.902	2.158.823.078
II. Tài sản cố định	220		905.742.656	1.062.329.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	905.742.656	1.062.329.778
- Nguyên giá	222		4.349.236.230	4.349.236.230
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.443.493.574)	(3.286.906.452)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		616.428.160	616.428.160
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	616.428.160	616.428.160
VI. Tài sản dài hạn khác	260		287.862.086	480.065.140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	287.862.086	480.065.140
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		131.906.579.260	170.901.706.456

102
C
CH
KI
H

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		119.923.214.843	159.079.437.369
I. Nợ ngắn hạn	310		119.923.214.843	159.079.437.369
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	56.777.813.400	68.184.120.052
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	15.270.919.031	43.069.560.269
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.078.965.285	7.534.428.694
4. Phải trả người lao động	314		793.017.000	437.829.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.257.103.994	16.713.447.631
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.687.539.442	3.615.925.684
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	30.057.856.691	19.920.045.717
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	(395.919.678)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.983.364.417	11.822.269.087
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	11.983.364.417	11.822.269.087
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.000.000	161.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.559.411.227	1.559.411.227
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		262.953.190	101.857.860
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	101.857.860
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		262.953.190	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		131.906.579.260	170.901.706.456

Người lập biểu



Ngô Thị Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Hùng

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	44.803.560.715	39.903.212.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		44.803.560.715	39.903.212.540
4. Giá vốn hàng bán	11	21	38.026.752.053	34.563.671.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		6.776.808.662	5.339.541.351
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	356.521.617	158.135.413
7. Chi phí tài chính	22	23	2.683.040.855	1.197.572.542
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.683.040.855	1.197.572.542
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.144.919.502	4.247.923.934
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		305.369.922	52.180.288
11. Thu nhập khác	31	25	13.664.936	60.700.000
12. Chi phí khác	32	26	350.256	11.022.428
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13.314.680	49.677.572
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		318.684.602	101.857.860
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	55.731.412	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		262.953.190	101.857.860
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		263	102

Người lập biểu

Ngô Thị Hiền

Kế toán trưởng

Phạm Hùng

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		55.390.117.510	48.866.586.620
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(59.791.255.391)	(28.650.001.234)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.305.055.000)	(12.326.094.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.064.979.882)	(1.197.572.542)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.709.529.452	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.909.095.878)	(12.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.970.739.189)	6.680.218.844
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(34.275.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.800.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		356.521.617	158.135.413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		356.521.617	(5.676.139.587)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		33.315.652.775	17.257.388.263
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.177.841.801)	(16.070.620.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.137.810.974	1.186.767.667
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(476.406.598)	2.190.846.924
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.452.856.309	262.009.385
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.976.449.711	2.452.856.309

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Ngô Thị Hiền

Kế toán trưởng

Phạm Hùng

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 – Viwaseen.1, tiền thân là Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước số 101, thuộc Công ty Xây dựng Cấp thoát nước (nay là Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam). Công ty chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần theo Quyết định số 073/QĐ-BXD ngày 13/01/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 10.000.000.000 VND

Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 10.000.000.000 VND

Công ty có trụ sở tại số 56, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh: Xây dựng, thương mại, du lịch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn, đầu tư xây dựng và kinh doanh các hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường (bao gồm: thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng cấp thoát nước, dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị);
- Thi công, tổng thầu thi công xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Đầu tư sản xuất, kinh doanh và kinh doanh thương mại sản xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng xây dựng và chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường;
- Tư vấn đầu tư và thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, bưu chính viễn thông, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, nông nghiệp, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp các loại (không bao gồm hoạt động thiết kế công trình);
- Gia công lắp đặt dựng kết cấu thép và các thiết bị cơ điện kỹ thuật công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà, bất động sản, cho thuê văn phòng;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo hình thức Nhật ký chứng từ.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với doanh thu ghi nhận.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Khoản mục	Thời gian khấu hao
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	06-25 năm
- Máy móc thiết bị	05-12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	04-10 năm
- Tài sản cố định khác	08-10 năm
- Phần mềm máy tính	04 năm

2.10. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh sau khi có quyết định chính thức của Hội đồng quản trị của các công ty này về phân chia lợi nhuận. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Ghi nhận doanh thu

2.17.1. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

2.17.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.17.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia lợi nhuận cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. (Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan).

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh: Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng (nếu Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh).

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Các khoản thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Năm 2015, doanh nghiệp chịu thuế suất thuế TNDN là 22%.

2.20. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

03. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	329.507.981	8.210.650
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	146.941.730	144.645.659
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	2.300.000.000
Cộng	1.976.449.711	2.452.856.309

(*)Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm

04. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
b1) Ngắn hạn	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000

(*)Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 3.500.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 6%/ năm

05. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.981.804.648	50.460.872.398
Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	10.759.254.504	41.300.941.449
- BQL dự án khu công nghiệp Cái Lân	1.011.617.701	1.011.617.701
- BQL Dự án cấp nước Tỉnh Quảng Ninh (Cty TNHH ITV KD Nước Sạch Quảng Ninh)	2.129.516.006	2.129.516.006
- BQL dự án khu công nghiệp và vệ sinh SKNT tỉnh Ninh Bình	1.270.772.000	1.270.772.000
- BQL dự án đầu tư xây dựng nhà tái định cư - Sở Xây dựng Hà Nội (Cát Linh Hà Đông)	965.968.000	965.968.000
- Công ty CP Đầu tư Đô Thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	1.656.884.153	623.326.000
- Công ty Cấp nước Hưng Yên	1.352.621.200	1.352.621.200
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	2.371.875.444	2.371.875.444
- Tổng Công ty VIWASEEN	-	24.503.213.468
- Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị	-	7.072.031.630
Phải thu khách hàng khác	7.222.550.144	9.159.930.949
Cộng	17.981.804.648	50.460.872.398

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

06. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đặng Đình Thái	322.619.976	322.619.976
Đội CT số 4 - Kim Đức Toàn	377.246.998	377.246.998
Công ty TNHH ĐT&PT-Điện Điện tử	588.249.318	-
Công ty CP XD&XL Điện nước 9.3 Hà Nội	518.468.800	-
Công ty thiết bị Điện Hải Long	341.785.000	341.785.000
Công ty TNHH WINPOWER	1.072.465.300	-
Công ty CP Xây dựng và Môi Trường - CEN	293.700.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Xây dựng Hoàng Phúc	676.408.800	-
Nguyễn Văn Minh - Đội CT số 1	654.278.737	654.278.737
Trả trước người bán khác	1.131.866.795	9.574.765.230
Cộng	5.977.089.724	11.270.695.941

07. PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Ngắn hạn	16.065.575.100	16.065.575.100	15.842.482.474	15.842.482.474
Tạm ứng	14.274.674.215	14.274.674.215	14.510.547.875	14.510.547.875
Trong đó:				
- Lê Thị Bình	2.536.841.340	2.536.841.340	-	-
- Lê Ngọc Hạnh	1.238.065.057	1.238.065.057	1.983.873.057	1.983.873.057
- Lê Khả Thành	1.344.005.910	1.344.005.910	1.344.005.910	1.344.005.910
- Phạm Sơn Tích	1.950.611.847	1.950.611.847	1.870.611.847	1.870.611.847
- Nguyễn Thái Hưng	1.068.271.445	1.068.271.445	1.068.271.445	1.068.271.445
- Tạm ứng khác	6.136.878.616	6.136.878.616	8.243.785.616	8.243.785.616
Phải thu khác	1.790.900.885	1.790.900.885	1.331.934.599	1.331.934.599
Trong đó:				
- Nộp tiền cổ phần cho công ty	274.507.579	274.507.579	274.507.579	274.507.579
- Thu 5% BHXH, 1% BHYT, 1% BHTN của CBCNV	859.203.893	859.203.893	763.747.036	763.747.036
- Phải thu khác	657.189.413	657.189.413	293.679.984	293.679.984
Cộng	16.065.575.100	16.065.575.100	15.842.482.474	15.842.482.474

08. NỢ XẤU

(Chi tiết thuyết minh tại phụ lục 01)

09. HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.314.917.671	-	3.314.917.671	-
Công cụ, dụng cụ	66.275.107	-	66.275.107	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.274.549.130	-	80.723.082.530	-
(Chi tiết công trình dở dang tại phụ lục 02)				
Cộng	84.655.741.908	-	84.104.275.308	-

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1

Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá tài sản cố định					
1. Số dư đầu năm	2.935.906.597	258.756.332	935.107.421	219.465.880	4.349.236.230
2. Số tăng trong năm	-	-	-	29.284.546	29.284.546
Trong đó:					
- Phân loại lại tài sản	-	-	-	29.284.546	29.284.546
3. Số giảm trong năm	-	29.284.546	-	-	29.284.546
Trong đó:					
- Phân loại lại tài sản	-	29.284.546	-	-	29.284.546
4. Số cuối năm	2.935.906.597	229.471.786	935.107.421	248.750.426	4.349.236.230
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	1.937.330.350	229.471.786	919.652.878	200.451.438	3.286.906.452
2. Tăng trong năm	122.150.000	-	7.727.273	26.709.849	156.587.122
- Khấu hao trong năm	122.150.000	-	7.727.273	26.709.849	156.587.122
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	2.059.480.350	229.471.786	927.380.151	227.161.287	3.443.493.574
III. Giá trị còn lại của TSCĐ					
1. Tại ngày đầu năm	998.576.247	29.284.546	15.454.543	19.014.442	1.062.329.778
2. Tại ngày cuối năm	876.426.247	-	7.727.270	21.589.139	905.742.656

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng : 1.733.888.503 đồng.

11. ĐẦU TƯ VỐN GÓP VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng cấp thoát nước - VIWASEEN 2	262.772.480	-	262.772.480	262.772.480	-	262.772.480
- Công ty Cổ phần khoan khai thác nước ngầm - VIWASEEN 3	332.739.680	-	332.739.680	332.739.680	-	332.739.680
- Công ty cổ phần VIWASEEN 6	20.916.000	-	20.916.000	20.916.000	-	20.916.000
Cộng	616.428.160	-	616.428.160	616.428.160	-	616.428.160

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng cấp thoát nước - VIWASEEN 2	Số 58, ngõ 85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.	28.800 cổ phần	0,29%	0,29%	Xây dựng lắp đặt các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình năng lượng, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.
Công ty Cổ phần khoan khai thác nước ngầm - VIWASEEN 3	Km14,5-QL1A-xã Liên Linh, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	36.400 cổ phần	0,18%	0,18%	Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng các công trình cấp thoát nước.
Công ty cổ phần Viwaseen 6	Xã Ai Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	1.743 cổ phần	0,01%	0,01%	Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng các công trình cấp thoát nước, khai thác và kinh doanh nước sạch

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
b) Dài hạn	287.862.086	480.065.140
Giá trị thương hiệu VIWASEEN	44.269.673	94.269.673
Lợi thế kinh doanh	206.134.836	306.134.836
Chi phí công cụ, dụng cụ	37.457.577	79.660.631
Cộng	287.862.086	480.065.140

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thanh toán VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thanh toán VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	56.777.813.400	56.777.813.400	68.184.120.052	68.184.120.052
Tạ Đức Bình	6.339.250.933	6.339.250.933	6.339.250.933	6.339.250.933
Công ty VIWASEEN.1	3.042.243.013	3.042.243.013	3.042.243.013	3.042.243.013
Công ty Cổ phần Tam Đa	3.293.364.755	3.293.364.755	6.326.950.575	3.293.364.755
Công ty TNHH Vật tư Xây Lắp Thịnh Thành	1.806.830.221	1.806.830.221	1.099.430.052	1.806.830.221
Công ty CP Đầu tư Ngân Giang	1.162.500.640	1.162.500.640	1.262.500.640	1.162.500.640
Công ty CP PTNL, TM&DL VIWASEEN	1.750.555.762	1.750.555.762	1.750.555.762	1.750.555.762
Công ty CP Kỹ thuật Công Nghiệp á Châu	1.688.436.990	1.688.436.990	1.087.586.610	1.688.436.990
Dương Hoàng Chung	1.302.002.924	1.302.002.924	1.302.002.924	1.302.002.924
Lê Ngọc Hạnh	2.374.123.071	2.374.123.071	1.558.377.071	2.374.123.071
Ngô Doãn Phúc	1.446.803.207	1.446.803.207	1.446.803.207	1.446.803.207
Phạm Sơn Tích	1.986.749.248	1.986.749.248	1.986.749.248	1.986.749.248
Tổng Công ty VIWASEEN	1.235.587.456	1.235.587.456	7.269.762.066	1.235.587.456
Vũ Xuân Lân	1.067.780.099	1.067.780.099	1.067.780.099	1.067.780.099
Phải trả người bán khác	28.281.585.081	28.281.585.081	32.644.127.852	32.644.127.852
Cộng	56.777.813.400	56.777.813.400	68.184.120.052	68.184.120.052

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Tạ Đức Bình	6.339.250.933	6.339.250.933	6.339.250.933	6.339.250.933
Cty TNHH công nghệ thương mại Sông Hồng	322.728.800	322.728.800	322.728.800	322.728.800
Doanh nghiệp tư nhân Đại Thắng	307.170.815	307.170.815	307.170.815	307.170.815
Công ty TNHH Mạnh Dũng	1.028.848.851	1.028.848.851	1.028.848.851	1.028.848.851
Công ty thương mại và dịch vụ Phú Hưng	336.336.080	336.336.080	336.336.080	336.336.080
Công ty Viwaseen.1	3.042.243.013	3.042.243.013	3.042.243.013	3.042.243.013
Công ty CP cơ khí điện Long Giang	709.798.650	709.798.650	709.798.650	709.798.650
Công ty TNHH MTV công trình giao thông Hà Nội	468.030.000	468.030.000	468.030.000	468.030.000

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thanh toán	Giá gốc	Giá trị có thể thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH thương mại kỹ thuật D&B	673.691.277	673.691.277	673.691.277	673.691.277
Dương Hoàng Chung	1.302.002.924	1.302.002.924	1.302.002.924	1.302.002.924
Nguyễn Thế Dũng	468.852.159	468.852.159	468.852.159	468.852.159
Trịnh Mạnh Hùng	419.064.548	419.064.548	419.064.548	419.064.548
Lê Khả Thành	696.266.697	696.266.697	696.266.697	696.266.697
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Lạc Việt	309.783.713	309.783.713	309.783.713	309.783.713
Nguyễn Mạnh Nghĩa	886.543.407	886.543.407	886.543.407	886.543.407
Nguyễn Ngọc Tú	837.254.842	837.254.842	837.254.842	837.254.842
Phạm Văn Bằng	813.188.187	813.188.187	813.188.187	813.188.187
Ngô Doãn Phúc	1.446.803.207	1.446.803.207	1.446.803.207	1.446.803.207
Phạm Sơn Tích	1.986.749.248	1.986.749.248	1.986.749.248	1.986.749.248
Nguyễn Tường Long	489.105.411	489.105.411	489.105.411	489.105.411
Vũ Xuân Lâm	1.067.780.099	1.067.780.099	1.067.780.099	1.067.780.099
- Các đối tượng khác	6.320.618.136	6.320.618.136	6.320.618.136	6.320.618.136
Cộng	30.272.110.997	30.272.110.997	30.272.110.997	30.272.110.997

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty cấp nước Lào Cai	17.502.383	17.502.383	17.502.383	17.502.383
Công ty cổ phần Thanh Tân Thừa Thiên Huế	68.701.818	68.701.818	-	-
Tổng Công ty VIWASEEN	6.515.114.770	6.515.114.770	19.851.290.381	19.851.290.381
Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị	8.669.600.060	8.669.600.060	16.031.265.400	16.031.265.400
BQLDA công trình Huyện Đầm Hà	-	-	550.682.437	550.682.437
Công ty CP Đầu tư Đô Thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	-	-	5.878.785.000	5.878.785.000
Công ty phát triển nhà Hà Nội	-	-	683.627.000	683.627.000
Công ty cấp nước Bắc Ninh	-	-	56.407.668	56.407.668
Cộng	15.270.919.031	15.270.919.031	43.069.560.269	43.069.560.269

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	7.534.428.694	5.958.212.133	5.413.675.542	8.078.965.285
-Thuế thu nhập cá nhân	284.825.180	48.723.850	-	333.549.030
-Thuế GTGT	7.205.213.484	5.907.488.283	5.390.431.906	7.722.269.861
-Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	44.390.030	2.000.000	23.243.636	23.146.394
Cộng	7.534.428.694	5.958.212.133	5.413.675.542	8.078.965.285

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.257.103.994	16.713.447.631
-Phải trả về chi phí mua ngoài nguyên vật liệu, máy thi công, nhân công trước năm 2015	2.981.823.631	16.713.447.631
-Trích trước chi phí khối lượng hoàn thành công trình Thanh Tân - Huế	1.275.280.363	-
Cộng	4.257.103.994	16.713.447.631

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.687.539.442	3.615.925.684
Kinh phí công đoàn	97.275.772	77.545.522
Bảo hiểm xã hội	1.814.088.581	1.361.319.985
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.776.175.089	2.177.060.177
- Hạch toán điều chỉnh theo biên bản kiểm toán năm 2008	274.160.902	274.160.902
- Phải trả tiền cổ tức (không chi tiết được đối tượng)	532.042.000	532.042.000
- Phải trả tiền lãi vay	991.232.000	373.171.000
- Phải trả Tổng công ty Viwaseen theo biên bản kiểm toán nhà nước năm 2008	885.297.534	885.297.534
- Phải trả khác	93.442.653	112.388.741
Cộng	4.687.539.442	3.615.925.684

18. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (Chi tiết theo kỳ hạn (*))	30.057.856.691	30.057.856.691	23.177.841.801	33.315.652.748	19.920.045.717	19.920.045.717
Vay Ngân hàng	24.507.856.691	24.507.856.691	21.577.841.801	32.313.652.748	14.968.045.717	14.968.045.717
Vay Cá nhân	5.550.000.000	5.550.000.000	1.600.000.000	1.002.000.000	4.952.000.000	4.952.000.000
Cộng	30.057.856.691	30.057.856.691	23.177.841.801	33.315.652.748	19.920.045.717	19.920.045.717

(*) Các khoản vay bằng VND Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây

Số hợp đồng	Ngày vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay (tháng)	Số dư cuối năm (VND)	pháp bảo đảm tiền vay
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/HĐTDHM/1145742	01/08/2014	9,25%	Tháng 2-3/2016	7.365.117.231	(i.1)
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/HĐTDHM/1145742	30/06/2015	9,25%	Tháng 4-9/2016	17.142.739.460	(i.2)
Cộng				24.507.856.691	

(i.1): Mục đích vay: vay phục vụ thi công công trình

(i.2): Mục đích vay: vay phục vụ thi công công trình và trả lương cho cán bộ công nhân viên.

Biện pháp đảm bảo tiền vay bằng các tài sản thế chấp của bên thứ 3 và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. cụ thể:

+ Xe ô tô Toyota Fortuner BKS: 29A 641.58 của ông Nguyễn Xuân Ái theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2015/114742/HĐBĐ ngày 08/01/2015

+ Xe ô tô Kia Forte TDFC43 BKS: 31F - 5112 của bà Dương Tuyết Lan theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 09/03/2011

+ Xe ô tô Toyota Fortuner V BKS: 30P - 3969 của ông Nguyễn Anh Tuấn theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 22/06/2008

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1

Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10121010067 thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị Bích theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất ngày 07/08/2009

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 988074 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Anh Tuấn theo hợp đồng thế chấp Bất động sản ngày 02/05/2012

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2014/HDTG ngày 27/08/2014

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2014/HDTG ngày 18/09/2014

(*) Chi tiết các khoản vay cá nhân:

Số hợp đồng	Tên cá nhân	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư cuối năm (VND)	Số dư đầu năm (VND)
Số 03/2012 ngày 30/3/2012	Lê Thanh Bình	6%	30/01/2016	1.600.000.000	1.600.000.000
Số 04/2012 ngày 16/5/2012	Vũ Quang Thái	6%	16/02/2016	800.000.000	800.000.000
Số 06/2013 ngày 3/6/2013	Nguyễn Văn Nghiễm	6%	03/03/2016	1.000.000.000	1.200.000.000
Số 01/2013 ngày 27/2/2013	Nguyễn Thị Ngọc Liên	6%	27/01/2016	300.000.000	300.000.000
Số 04/2015 ngày 08/12/2015	Nguyễn Thị Liên	6%	08/03/2016	150.000.000	750.000.000
Số 01/2015 ngày 01/04/2015	Ma Thị Mùi	7,2%	29/02/2016	250.000.000	250.000.000
	Dương Tuyết Lan			-	52.000.000
Số 01/2015 ngày 01/04/2015	Nguyễn Thị Bảo Thoa	9%	01/01/2016	500.000.000	-
Số 03/2015 ngày 15/09/2015	Nguyễn Thị Bảo Thoa	6,96%	15/01/2016	700.000.000	-
Số 02/2015 ngày 27/04/2015	Nguyễn Thị Bảo Thoa	9%	27/01/2016	250.000.000	-
Cộng				5.550.000.000	4.952.000.000



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	161.000.000	1.425.411.227	229.264.605	11.815.675.832
Lãi trong năm trước	-	-	-	101.857.860	101.857.860
Phân phối quỹ	-	-	134.000.000	(229.264.605)	(95.264.605)
Số dư cuối năm trước	10.000.000.000	161.000.000	1.559.411.227	101.857.860	11.822.269.087
Lãi trong kỳ này	-	-	-	262.953.190	262.953.190
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(101.857.860)	(101.857.860)
Số dư cuối kỳ này	10.000.000.000	161.000.000	1.559.411.227	262.953.190	11.983.364.417

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Cấp thoát nước Viwaseen 2	265.500.000	265.500.000
Công ty CP Cơ khí Hưng Yên	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	4.034.500.000	4.034.500.000
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	10.000.000.000	10.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	1.000.000	1.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a) Doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.803.560.715	39.903.212.540
Cộng	44.803.560.715	39.903.212.540

b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Viwaseen	8.402.401.177	19.594.508.483
Cộng	8.402.401.177	19.594.508.483

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.026.752.053	34.563.671.189
Cộng	38.026.752.053	34.563.671.189

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	356.521.617	158.135.413
Cộng	356.521.617	158.135.413

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.683.040.855	1.197.572.542
Cộng	2.683.040.855	1.197.572.542

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	4.144.919.502	4.247.923.934
Chi phí nhân công	2.341.201.553	2.488.528.970
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	110.834.962	200.594.601
Chi phí khấu hao	145.162.122	148.970.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.274.743	406.771.909
Các khoản chi phí QLDN khác.	744.446.122	1.003.057.998

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt theo quyết toán Hệ thống Điện nước các công trình Timescity	-	12.700.000
Thu tiền bảo vệ và phí vệ sinh của Chi nhánh Tư Vấn	-	48.000.000
Tiền phạt thu được	13.400.000	-
Các khoản khác	264.936	-
Cộng	13.664.936	60.700.000

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xử lý công nợ phải thu chủ đầu tư: Công ty CP Nước sạch và vệ sinh Nông thôn Nam Định	-	8.812.613
Thuế GTGT không được khấu trừ tháng 2 và tháng 8 năm 2014	-	2.209.815
Chi phí khác	350.256	-
Cộng	350.256	11.022.428

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	318.684.602	101.857.860
Các khoản điều chỉnh giảm	65.360.000	128.306.500
Thu nhập chịu thuế TNDN	253.324.602	(26.448.640)
Chi phí thuế TNDN	55.731.412	-
Số thuế TNDN phải nộp	55.731.412	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	55.731.412	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.232.697.999	40.326.528.656
Chi phí nhân công	8.174.051.706	10.812.067.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.587.122	148.970.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.597.792.600	2.167.724.609
Chi phí khác bằng tiền	1.562.008.728	2.401.868.005
Cộng	42.723.138.155	55.857.159.327

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Tổng lợi nhuận sau thuế	262.953.190	101.857.860
d. Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	262.953.190	101.857.860
e. Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.000.000	1.000.000
f. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (f = c/e)	263	102

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.976.449.711	-	2.452.856.309	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.047.379.748	(82.161.264)	66.303.354.872	(82.161.264)
Đầu tư ngắn hạn	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Đầu tư dài hạn	616.428.160	-	616.428.160	-
Cộng	40.140.257.619	(82.161.264)	72.872.639.341	(82.161.264)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	30.057.856.691	19.920.045.717
Phải trả người bán, phải trả khác	61.465.352.842	71.800.045.736
Chi phí phải trả	4.257.103.994	16.713.447.631
Cộng	95.780.313.527	108.433.539.084

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.976.449.711	-	-	1.976.449.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.965.218.484	-	-	33.965.218.484
Đầu tư ngắn hạn	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	616.428.160	616.428.160
Cộng	39.441.668.195	-	616.428.160	40.058.096.355
Tại ngày đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.452.856.309	-	-	2.452.856.309
Phải thu khách hàng, phải thu khác	66.221.193.608	-	-	66.221.193.608
Đầu tư ngắn hạn	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	616.428.160	616.428.160
Cộng	72.174.049.917	-	616.428.160	72.790.478.077

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày cuối năm				
Vay và nợ	30.057.856.691	-	-	30.057.856.691
Phải trả người bán, phải trả khác	61.465.352.842	-	-	61.465.352.842
Chi phí phải trả	4.257.103.994	-	-	4.257.103.994
Cộng	95.780.313.527	-	-	95.780.313.527
Tại ngày đầu năm				
Vay và nợ	19.920.045.717	-	-	19.920.045.717
Phải trả người bán, phải trả khác	71.800.045.736	-	-	71.800.045.736
Chi phí phải trả	16.713.447.631	-	-	16.713.447.631
Cộng	108.433.539.084	-	-	108.433.539.084

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao, khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn phụ thuộc vào dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào đòi hỏi được công bố trên Báo cáo tài chính

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam	Công ty mẹ	8.402.401.177	19.594.508.483

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đầu tư dài hạn khác			
- Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng cấp thoát nước - VIWASEEN 2	Công ty cùng Tổng công ty	262.772.480	262.772.480
- Công ty Cổ phần khoan khai thác nước ngầm - VIWASEEN 3	Công ty cùng Tổng công ty	332.739.680	332.739.680
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nước sạch VIWASEEN.6	Công ty cùng Tổng công ty	20.916.000	20.916.000
Các khoản phải trả			
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam	Công ty mẹ	7.750.702.226	7.269.762.066

	Mối quan hệ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Viwaseen	Công ty cùng Tổng công ty	2.521.280	2.521.280
Công ty Cổ phần phát triển nhân lực, Thương mại và Du lịch VIWASEEN	Công ty cùng Tổng công ty	1.750.555.762	1.750.555.762

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	457.068.000	535.715.000

34. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200/2014/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau :

Trình bày theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC			Trình bày theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		
Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015
TÀI SẢN			TÀI SẢN		
121	1. Đầu tư ngắn hạn	3.500.000.000	121	1. Chứng khoán kinh doanh	-
			123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.500.000.000
135	6. Phải thu ngắn hạn khác	1.331.934.599	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-
			136	6. Phải thu ngắn hạn khác	15.842.482.474
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	14.510.547.875			
			253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	616.428.160
258	3. Đầu tư dài hạn khác	616.428.160			
NGUỒN VỐN			NGUỒN VỐN		
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	19.920.045.717	320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.920.045.717
312	2. Phải trả cho người bán	68.184.120.052	311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	68.184.120.052
313	3. Người mua trả tiền trước	43.069.560.269	312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	43.069.560.269
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.534.428.694	313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.534.428.694
315	5. Phải trả người lao động	437.829.000	314	4. Phải trả người lao động	437.829.000
316	6. Chi phí phải trả	16.713.447.631	315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16.713.447.631
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	1.559.411.227	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	1.559.411.227

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN			NGUỒN VỐN		
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	101.857.860	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	101.857.860

Người lập biểu



Ngô Thị Hiền

Kế toán trưởng



Phạm Hùng



Lập ngày 30 tháng 03 năm 2016

Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 01.

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
Ban Đền bù GPMB quốc lộ 18	270.778.000	-	270.778.000	270.778.000
BQLDA CT huyện Hải Hà	142.000.000	-	142.000.000	142.000.000
BQLDA đầu tư và XD các ctrình từ nguồn vốn NSNN	81.871.000	-	81.871.000	81.871.000
BQL DA Huyện Ba Chẽ	33.879.949	-	33.879.949	33.879.949
BQL dự án khu CN Cái Lân	1.011.617.701	-	1.011.617.701	1.011.617.701
BQL Dự án cấp nước Tỉnh Quảng Ninh (Công ty TNHH ITV KD Nước Sạch Quảng Ninh)	2.129.516.006	-	2.129.516.006	2.129.516.006
Ban Quản lý dự án cấp nước Đồng Triều	26.517.532	-	26.517.532	26.517.532
BQL cấp nước Phù Lý	431.160.619	-	431.160.619	400.000.000
BQL cấp nước Hà Đông	265.799.123	-	265.799.123	265.799.123
BQL cấp nước Quảng Yên	169.436.031	-	169.436.031	169.436.031
BQL cấp nước Hưng Yên	84.740.239	-	84.740.239	84.740.239
BQLDA c.trình CN thị trấn Móng Cái	205.638.927	-	205.638.927	205.638.927
BQL dự án đầu tư và xây dựng Quận Hà Đông (Thượng Mạo)	774.000	387.000	774.000	774.000
BQL dự án CN và vệ sinh SKNT tỉnh Ninh Bình (Khánh Vân)	1.270.772.000	635.386.000	1.270.772.000	1.270.772.000
BQL DA đầu tư XD nhà tái định cư - Sở XD HN	965.968.000	482.984.000	965.968.000	965.968.000
Bộ Xây dựng	64.310.000	-	64.310.000	44.310.000
Chi nhánh tư vấn	285.475.000	85.642.500	285.475.000	285.475.000
Chi nhánh XD số 2 - Tổng cty VIWASEEN	317.104.537	-	317.104.537	317.104.537
CT Khánh Cư, Ninh Bình	50.000.000	25.000.000	50.000.000	50.000.000
Công ty VIWASEEN.1	110.575.051	-	110.575.051	110.575.051
Công ty Cấp nước Bắc Giang	691.652.868	-	691.652.868	691.652.868
CTy đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội	224.587.000	-	224.587.000	224.587.000
Công ty xi măng Hoàng Thạch	334.872.154	100.461.646	334.872.154	334.872.154
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	280.773.000	-	280.773.000	280.773.000
Công ty Cấp nước Hưng Yên	1.352.621.200	-	1.352.621.200	1.352.621.200
Công ty cấp nước Hà Nam	42.882.122	-	42.882.122	42.882.122
Công ty cấp nước Lạng Sơn	31.000.645	-	31.000.645	-
Công ty cấp nước Hải Dương	169.088.055	-	169.088.055	169.088.055
Công ty môi trường đô thị Móng Cái	15.417.000	-	15.417.000	15.417.000
Công ty CP Sông Đà 1	642.134.722	192.640.417	642.134.722	642.134.722
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	2.371.875.444	1.185.937.722	2.371.875.444	2.371.875.444
Công ty TNHH BINTAI KINDENKO (Việt Nam)	196.948.771	-	196.948.771	196.948.771
TC DA HT cấp nước TP Hưng Yên, T.Hưng Yên- Tập đoàn Bafo	140.000.000	-	140.000.000	140.000.000
Nguyễn Văn Hậu	12.400.000	-	12.400.000	12.400.000
Đặng đình Thái	283.708.060	-	283.708.060	283.708.060

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 01 (Tiếp)

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể VND
Đội CT số 4 - Kim Đức Toàn	377.246.998	-	377.246.998	377.246.998
Công ty TNHH Đầu tư XD&TM Long Hưng	49.767.783	14.930.335	49.767.783	49.767.783
Công ty Thiết bị Điện Hải Long	341.785.000	-	341.785.000	341.785.000
Công ty TNHH Khoan Đa Dụng	186.031.238	-	186.031.238	186.031.238
Công ty TNHH TM&SX DV Mỹ Thuận	21.000.000	-	21.000.000	21.000.000
Công ty CP Xây dựng số 1 Phú Thọ	10.600.000	-	10.600.000	10.600.000
Công ty CP Trường Xuân	26.233.587	-	26.233.587	26.233.587
Công ty TNHH TM&DV HCL	80.021.853	-	80.021.853	80.021.853
Phan Văn Mộng	14.563.300	-	14.563.300	14.563.300
Dư Văn Bắc _ Đội CT số 3	94.302.452	66.011.716	194.302.452	194.302.452
Lưu Thị Kim Tiến	3.192.000	-	3.192.000	3.192.000
Vũ Đức Thành	31.427.425	-	31.427.425	31.427.425
Nguyễn Văn Minh - Đội CT số 1	654.278.737	-	654.278.737	654.278.737
Tổng	16.598.345.129	2.789.381.336	16.698.345.129	16.616.183.865

Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 02: Chi tiết giá trị công trình dở dang

Số thứ tự	Tên công trình	Cuối năm	Đầu năm
1	Công trình cấp nước Đầm Hà	855.440.100	855.440.100
2	Công trình tuyến ống cấp 2 Đầm Hà, Quảng Ninh	1.232.992.703	1.232.992.703
3	Công trình xây dựng 8 giếng	344.406.274	344.406.274
4	Công trình cấp nước chợ mới, Bắc Cạn	591.840.597	591.840.597
5	Công trình cấp nước Bình Liêu	1.113.930.817	1.089.283.817
6	Hệ thống thoát nước Thành phố Bắc Ninh	6.832.207.371	13.984.308.125
7	Công trình cấp nước Cái Lân	622.991.545	622.991.545
	Công trình khu nhà ở bệnh viện 103, Học viện		
8	quân y	6.469.711.548	3.901.060.635
9	Công trình cấp nước Cát Linh, Hà Đông	2.144.757.696	2.144.757.696
10	Công trình khu xử lý Hoành Bồ	4.349.416.486	4.349.416.486
11	Công trình cấp nước Hải Bối	261.599.858	261.599.858
	Công trình Chương Dương - Hai Bà Trưng (gói		
12	4 + 6)	105.117.014	105.117.014
	Công trình cấp nước sạch Thành phố Hưng Yên		
13	(BAFO)	11.846.992.845	11.700.383.648
14	Công trình thi công Indochina Plaza	64.800.000	64.800.000
	Lắp đặt công nghệ và điện trạm bơm thoát nước		
15	số 1	1.676.814.228	1.676.814.228
16	Công trình cấp nước sạch Khánh Cư - Ninh Bình	2.711.370.277	2.419.673.641
	Công trình cấp nước sạch Khánh Vân - Ninh		
17	Bình	564.965.634	564.965.634
	Lắp đặt hệ thống điện, nước nhà NO - VP4, bán		
18	đảo Linh Đàm	11.603.525.621	10.912.442.104
19	Công trình cấp nước Mậu A	253.461.351	253.461.351
20	Công trình cấp nước Mông Dương	1.742.895.763	1.742.895.763
21	Công trình di chuyển nút giao thông Mai Dịch	242.891.724	242.891.724
	Công trình xây dựng hệ thống cấp thoát nước tòa		
22	nhà New skyline	6.335.503.233	2.457.623.542
23	Công trình cấp nước NMN Pháp Vân	1.735.087.258	1.735.087.258
24	Công trình cấp nước Quảng Hà GĐI	462.391.608	462.391.608
25	Công trình di chuyển tuyến ống quốc lộ 8	91.053.176	91.053.176
	Công trình cấp nước Thị xã Sông Công - Thái		
26	Nguyên	393.163.137	0
	Công trình xây lắp hệ thống nước công trình 1-		
27	Timescity	2.220.115.042	2.220.115.042
	Công trình xây lắp hệ thống điện công trình 1 -		
28	Timescity	1.369.288.821	1.369.288.821
	Công trình xây lắp hệ thống nước công trình 5-		
29	Timescity	5.038.374.212	5.035.373.812
	Công trình xây lắp hệ thống điện công trình 5-		
30	Timescity	1.488.156.844	1.488.156.844
31	Công trình lắp đặt tuyến ống Tây Ka Long	180.456.552	180.456.552
32	Công trình xây tường rào Trung Văn	159.117.150	159.117.150
	Công trình di chuyển tuyến ống nút giao thông		
33	Thanh Xuân	1.363.832.400	1.363.832.400
	Công trình lắp đặt hệ thống điện		
34	khu đô thị CT 4 Văn Khê - Hà Đông	563.834.945	563.834.945



Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 1 - Viwaseen.1
Số 56, ngõ 85 phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 02: Chi tiết giá trị công trình dở dang

Số thứ tự	Tên công trình	Cuối năm	Đầu năm
35	Công trình Lắp đặt hệ thống nước khu đô thị CT4 Văn Khê - Hà Đông	1.463.374.682	1.463.374.682
36	Công trình lắp đặt hệ thống nước bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	351.265.461	351.265.461
37	Công trình lắp đặt hệ thống nước Vĩnh Yên	228.762.999	228.762.999
38	Công trình cấp nước Yên Hưng - Quảng Ninh	1.837.523.995	1.837.523.995
39	Công trình di chuyển tuyến ống D100 nút giao thông Pháp Vân - Yên Sở	25.281.300	25.281.300
40	Công trình cấp nước Y Yên - Nam Định	629.000.000	629.000.000
	Tổng	81.567.712.267	80.723.082.530

